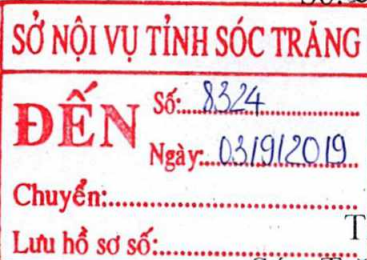


Số: 206/BC-UBND

Châu Thành, ngày 29 tháng 8 năm 2019



BÁO CÁO
Cải cách hành chính quý III năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng thực hiện cải cách hành chính năm 2019 và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 14/01/2019 của UBND huyện Châu Thành thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn huyện Châu Thành,

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2019 trên địa bàn huyện Châu Thành, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Đề triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 2019, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 14/01/2019). Nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hành chính năm 2019 của huyện nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét, nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín chính quyền các cấp đối với Nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật nhằm góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành.

2. Về chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Quán triệt chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung lãnh, chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện trong quý III năm 2019, cụ thể hóa các nhiệm vụ cải cách hành chính như sau:

Trong quý III, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính như: Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện (Công văn số 468/UBND-VP ngày 12/7/2019), nâng cao năng lực thực thi công vụ trong các cơ quan hành chính, UBND cấp xã, chỉ đạo tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong các đơn vị trên địa bàn huyện, chỉ đạo tiếp tục triển khai các mô hình cải cách hành chính.

3. Công tác kiểm tra cải cách hành

Nhằm nâng cao đánh giá chất lượng tiến độ thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, đánh giá công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo về công tác cải cách hành chính, tình hình thực hiện kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ của các cơ quan, đơn vị trong năm 2019, ngay từ đầu năm UBND huyện đã chỉ đạo

cho cơ quan tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm tra công vụ và cải cách hành chính trong năm 2019 trên địa bàn huyện. Qua đó đã tổ chức kiểm tra theo kế hoạch trong quý II.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh Sóc Trăng về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019, UBND huyện đã ban hành kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn huyện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Về cải cách thể chế.

Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện theo kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện (Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 14/01/2019 của UBND huyện Châu Thành). Trong quý III, trên địa bàn huyện không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

Xác định cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo sự thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và các tầng lớp nhân dân đến giải quyết thủ tục hành chính.

- Đối với Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã (tính đến ngày 26/08/2019).

Tổng số hồ sơ phải xử lý là 8.638 hồ sơ, đã giải quyết là 8.609 hồ sơ, đạt 99,66% (trong đó xử lý đúng hạn là 8.537 hồ sơ và trễ hạn là 72 hồ sơ do công chức xử lý trễ trên hệ thống), chưa đến hạn giải quyết là 29 hồ sơ chiếm 0,83%.

- Đối với Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của huyện.

Bộ phận tiếp nhận của huyện hiện nay thực hiện tiếp nhận hồ sơ các loại thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện.

Tổng số hồ sơ phải xử lý là 908 hồ sơ, đã giải quyết là 900 hồ sơ, đạt 99,11% (trong đó đúng hạn là 897 hồ sơ và trễ hạn 03 hồ sơ do cơ quan chuyên môn xử lý trễ trên hệ thống), chưa đến hạn 08 hồ sơ chiếm 0,88%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Công tác rà soát tổ chức bộ máy, biên chế, sửa đổi bổ sung chức năng nhiệm vụ của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp, thực hiện phân cấp quản lý theo đúng quy định. Đến nay các cơ quan hành chính trực thuộc UBND huyện đã ban hành chức năng nhiệm vụ của các đơn vị theo các Thông tư hướng dẫn (12/12 cơ quan đã ban hành).

UBND huyện tiếp tục duy trì công tác quản lý theo phân cấp về cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND và Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sóc Trăng

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của huyện; UBND huyện đã ban hành kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 (Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 15/01/2019), Kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện giai đoạn 2017-2020 (Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 21/11/2017).

5. Cải cách tài chính công

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đều chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong đơn vị mình. Hiện có 12 phòng ban chuyên môn và 8 đơn vị cấp xã đã triển khai thực hiện theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Có 45 đơn vị sự nghiệp triển khai thực Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp xã đều sử dụng phần mềm Misa quản lý ngân sách tại đơn vị. Việc sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý ngân sách góp phần nâng cao công tác quản lý, điều hành của đơn vị.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

Ủy ban nhân dân huyện đã lồng ghép vào Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 với các nội dung chủ yếu tập trung vào đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước qua mạng thông tin điện tử; 100% các cơ quan hành chính nhà nước qua mạng thông tin điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước và tạo sự tương tác thân thiện với người dân, doanh nghiệp. Kết hợp giữa việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính với việc nâng cao số lượng hồ sơ giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi tham gia giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), trên 90% cán bộ, công chức, viên chức khai thác, sử dụng hộp thư điện tử tỉnh trao đổi thông tin trong công việc, tăng tỷ lệ trao đổi văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt tối thiểu 60%.

7. Công tác được giao theo Kế hoạch của UBND tỉnh

Thực hiện theo Kế hoạch của UBND tỉnh giao cho UBND huyện thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến cải cách hành chính trong năm 2019, đến nay UBND huyện đã thực hiện được 05 nhiệm vụ được giao như Kế hoạch kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính năm 2019; Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện; kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên

địa bàn huyện năm 2019; Kế hoạch cải cách hành chính 2019 và kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức năm 2019. Các nhiệm vụ khác đang và sẽ thực hiện đúng theo lộ trình đề ra của Kế hoạch.

Đối với thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Đầu năm UBND huyện đã ban hành Công văn chỉ đạo tăng cường công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực thực thi công vụ trong các cơ quan hành chính, UBND cấp xã. Đồng thời giao cho cơ quan tham mưu (Phòng Nội vụ) theo dõi việc tổ chức thực hiện quy tắc ứng xử trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn huyện.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Thường trực Huyện ủy, HĐND – UBND huyện công tác cải cách hành chính, thể chế hành chính ngày càng được đổi mới và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Thủ tục hành chính công khai minh bạch, kỷ luật kỷ cương hành chính được nâng lên. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông hoạt động có hiệu quả, giảm thời gian nhận và trả kết quả trong quá trình giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân của cơ quan Nhà nước. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp Nhà nước đã đi vào hoạt động có hiệu quả và làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cùng bộ phận tham mưu giúp việc của từng cơ quan, đơn vị thuộc huyện.

2. Khó khăn, hạn chế

Công tác lãnh, chỉ đạo về cải cách hành chính của một số cơ quan, đơn vị địa phương còn thiếu đồng bộ.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế nên công tác giải quyết thủ tục hành chính và triển khai ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan nhà nước tại các cơ quan, đơn vị còn gặp khó khăn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG QUÝ IV NĂM 2019

1. Tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền ở địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm phân công rõ trách nhiệm thực hiện cho từng cán bộ, công chức, viên chức; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nhất là về giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân và tổ chức; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính theo quy định.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát TTHC nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho người dân. Giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho người dân khi đến giải quyết hồ sơ hành chính.

4. Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác, trình độ nghiệp vụ nhằm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: băng rôn, khẩu hiệu, tổ chức hội thi và xây dựng các chuyên mục cải cách hành chính trên đài truyền thanh huyện, xã, giúp cho cán bộ, công chức, nhân dân hiểu và tham gia tích cực công tác cải cách hành chính.

6. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đưa nội dung cải cách hành chính vào tiêu chí xét thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị với việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2019 trên địa bàn huyện Châu Thành./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Long

Biểu mẫu 3B
Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 29/8/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC		
	UBND xã An Ninh	114	
	UBND xã Hồ Đắc Kiện	114	
	UBND xã Thiện Mỹ	114	
	UBND xã Thuận Hòa	114	
	UBND xã An Hiệp	114	
	UBND xã Phú Tân	114	
	UBND xã Phú Tâm	114	
	UBND TT Châu Thành	114	
	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	266	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử cấp huyện	266	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	/	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	/	

**Biểu mẫu 4B****Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND cấp xã**

(Ban hành kèm theo ~~Báo cáo số~~ 206/BC-UBND ngày 29 / 8 /2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]		
I	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	269	0	0	0	269	0	0	0	
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	2				2	0	0		
1	Lĩnh vực Tiếp công dân	1				1				
2	Lĩnh vực xử lý đơn	1				1				
2	Phòng Nội vụ	35				35	0	0		
3	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	8				8				
4	Lĩnh vực tổ chức-biên chế	3				3				
5	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ	16				16				
6	Lĩnh vực tôn giáo	8				8				
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	19				19	0			
7	Lĩnh vực lao động tiền lương, quan hệ lao động	2				2				
8	Lĩnh vực người có công	5				0				
9	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội	3				3				
10	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	9				9				
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	40				40	0	0		
11	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	5				5				
12	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã	19				19				
13	Lĩnh vực giá	1				1				
14	Lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước	5				5				
15	Lĩnh vực quản lý công sản	2				2				



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]		
16	Lĩnh vực đầu thầu	4				4				
17	Lĩnh vực kế toán, kiểm toán	4				4				
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	23				23				
18	Lĩnh vực môi trường	2				2				
19	Lĩnh vực đất đai	15				15				
	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	6				6				
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3				3	0	0		
20	Lĩnh vực nông nghiệp	2				2				
21	Lĩnh vực thủy sản	1				1				
7	Phòng Giáo dục và Đào tạo	36				36				
22	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	36				36				
8	Phòng Văn hoá và Thông tin	18				18	0	0		
23	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	4				4				
24	Lĩnh vực xuất bản, In và Phát hành	2				2				
25	Lĩnh vực thư viện	1				1				
	Lĩnh vực văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động	4				4				
27	Lĩnh vực gia đình	6				6				
	Lĩnh vực viễn thông và Internet	1				1				
9	Phòng Tư pháp	36				36	0	0		
28	Lĩnh vực chứng thực:	12				12				
29	Lĩnh vực hộ tịch:	16				16				
30	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	2				2				
31	Lĩnh vực bồi thường nhà nước:	6				6				
10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	49				49	0	0		
32	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	12				12				
33	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9				9				
34	Lĩnh vực đường bộ	2				2				



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]		
35	Lĩnh vực xây dựng	5				5				
36	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1				1				
37	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị	1				1				
39	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	16				16				
41	Lĩnh vực Kinh doanh khí (khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG))	3				3				
12	Thanh tra huyện	8				8	0	0		
43	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	2				2				
44	Lĩnh vực phòng chống tham nhũng	5				5				
45	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	1				1				
II	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	114	0	0	0	112	2	0	2	0
1	Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	1				1				
2	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	8	0			8				
3	Lĩnh vực Người có công	6				6				
4	Lĩnh vực Thẻ dục Thể thao	1				1				
5	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	1				1				
6	Lĩnh vực Thư viện	1				1				
7	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	4	0			4				
8	Lĩnh vực Con nuôi	2				2				
9	Lĩnh vực Hộ tịch	19				17	2		2	
10	Lĩnh vực Chứng thực	11				11				
11	Lĩnh vực Hành chính tư pháp	1				1				
12	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật	2	0			2				
13	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	1				1				
14	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	1				1				
15	Lĩnh vực Tiếp công dân	1				1				



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]		
16	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	1				1				
17	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng	5				5				
18	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	4				4				
19	Lĩnh vực Đất đai	1				1				
20	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9				9				
21	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1				1				
22	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	1				1				
23	Lĩnh vực Môi trường	6				6				
24	Lĩnh vực Phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	1				1				
25	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	5				5				
26	Lĩnh vực Dân tộc	3				3				
27	Lĩnh vực Tôn giáo	10				10	0			
28	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	5				5				
29	Lĩnh vực Trồng trọt	1				1				
30	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	1				1				
Tổng số = (I) + (II)		383	0	0	0	381	2	0	2	0



Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 29/8/2019 của UBND huyện Châu Thành)

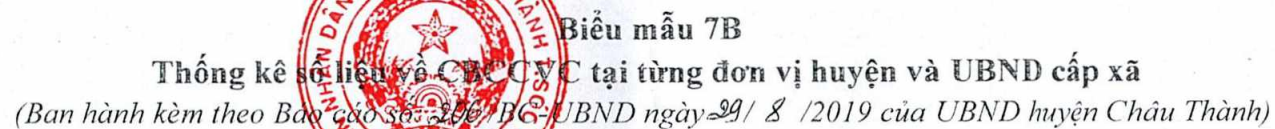
STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện			9.546		9.509			29	75	



Biểu mẫu 6B

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 29/8/2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[5]					
I	UBND cấp huyện	12		3		2		27		I		87		3		
II	UBND cấp xã							18				165				
1	An Ninh							3				23				
2	Thuận Hòa							1				18				
3	Phú Tâm							3				23				
4	Phú Tân							2				19				
5	An Hiệp							3				22				
6	Thiện Mỹ							2				19				
7	Hồ Đắc Kiện							2				20				
8	TT Châu Thành							2				21				
Tổng số = (I) + (II)		12	0	3	0	2	0	45	0	1	0	252	0	3	0	0

[illegible]

**Biểu mẫu 8B**

Thông kê số liệu về triển khai chỉnh sách cải cách công chức, công vụ tại các đơn vị, địa phương
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 29/ 8 /2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	12	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	1	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	

**Biểu mẫu 9B****Thông kê số liệu về cải cách tài chính công tại UBND huyện**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 29/ 8 /2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	75	0	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	75	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	1	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	74	0	

Biểu mẫu 12
Thông kê tình hình cập nhật kết quả tiếp nhận và giải quyết
thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 29/8/2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê[1]	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
	Tổng cộng	9.546	9.434	75	Chưa đến hạn 37
1	Bộ phận 1 của huyện	908	897	3	
2	Xã Hồ Đắc Kien	1.089	1.074	12	
3	Xã Phú Tâm	1.330	1.315	8	
4	Xã An Ninh	934	916	14	
5	Xã Phú Tân	1.003	993	9	
6	Xã Thiện Mỹ	622	608	8	
7	Xã Thuận Hòa	607	599	9	
8	Xã An Hiệp	1.428	1.421	7	
9	Thị trấn Châu Thành	1.625	1.611	5	